THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 26 tháng 6 năm 2026 đến ngày 05 tháng 7 năm 2026

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 388 /KL-TTCP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, thực hiện một số chương trình, đề án, dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao (giai đoạn 2016 - 2021); việc cổ phần hóa các doanh nghiệp (giai đoạn 2007 - 2021) tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Quyết định số 515/QĐ-TTCP ngày 27/12/2022 và Quyết định gia hạn thời gian thanh tra số 156/QĐ-TTCP ngày 18/4/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, thực hiện một số chương trình, đề án, dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao (giai đoạn 2016 - 2021); việc cổ phần hóa các doanh nghiệp (giai đoạn 2007 - 2021) tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL); Từ ngày 06/02/2023 đến ngày 26/5/2023 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Bộ và một số đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ VHTTDL. Căn cứ Báo cáo Kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr.515 ngày 26/12/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, Báo cáo thẩm định số 112/BC-C.XIII ngày 02/10/2025 của Cục Giám sát và Thẩm định (Cục XIII), Tổng Thanh tra Chính phủ kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Bộ VHTTDL là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ VHTTDL *(thời kỳ thanh tra)* được Chính phủ quy định tại Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017. Cơ cấu tổ chức của Bộ VHTTDL theo Nghị định số 79/2017/NĐ-CP bao gồm: 21 cơ quan hành chính; 05 đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước; 55 đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; 01 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1670/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.

Bộ VHTTDL là đơn vị dự toán cấp I, có trách nhiệm xây dựng dự toán NSNN hàng năm, ngân sách 03 năm; phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc. Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản thực hiện theo Luật Ngân sách và các quy định hiện hành. Chế độ kế toán thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (đối với năm 2016; 2017). Công tác quản lý đối với việc sử dụng tài sản công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ VHTTDL thực hiện theo quy định pháp luật: Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH

1. Tại Bộ VHTTDL

Giai đoạn 2016 -2021, công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công của Bộ VHTTDL đã được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán đối với niên độ tài chính năm 2017 và 2019. Thanh tra Bộ Tài chính đã thực hiện thanh tra đối với niên độ tài

chính năm 2016. Thanh tra Chính phủ không thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đối với các năm đã được Kiểm toán và Thanh tra Bộ Tài chính thực hiện.

1.1. Tổ chức bộ máy, mô hình tổ chức công tác tài chính, kế toán và ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng tài chính

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Tại Điều 24 của Luật NSNN năm 2002 thì Bộ VHTTDL có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn như sau: 1. Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan mình; 2. Phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách Trung ương, quyết toán ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách;...; 5. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.... Tuy nhiên, tại khoản 2, Điều 1, Quyết định số 39/2014/QĐ-TTg ngày 15/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ có quy định "Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (tổ chức tương đương Tổng cục)..; là đầu mối kế hoạch đầu tư và ngân sách trực thuộc Trung ương (đơn vị dự toán cấp I),". Theo quy định trên, Ban QL Làng VHDLCDTVN được trực tiếp làm việc với Bộ Tài chính về thu, chi Ngân sách, tương đương cùng cấp với Bộ VHTTDL (đơn vị dự toán cấp I). Trên cơ sở đó, các hoạt động về tài chính, các khoản đầu tư công và báo cáo tài chính hàng năm tại Ban QL Làng VHDLCDTVN không báo cáo Bộ VHTTDL và không được Bộ theo dõi và giám sát các hoạt động tài chính và quản lý tài sản tại đây. Do vậy, trách nhiệm việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 24 của Luật NSNN năm 2002, Bộ VHTTDL đã không thực hiện được, không đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính của Bộ.

Bộ VHTTDL đã xây dựng các văn bản, quy định về Kế hoạch, Tài chính, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí còn hiệu lực. Tuy nhiên việc tham mưu ban hành các Thông tư về phí, lệ phí trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch chưa kịp thời, chưa kiểm tra, rà soát thường xuyên việc xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ tại một số đơn vị dự toán trực thuộc Bộ *(Chi tiết tại Phụ lục số 08)*.

1.2. Việc xây dựng và giao dự toán, quản lý ngân sách hàng năm *(Chi tiết tại Phụ lục số 01- A)*.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Công tác lập và giao dự toán chưa sát thực tế dẫn đến phải điều chỉnh dự toán (kinh phí chi thường xuyên), cụ thể: năm 2016: 28.736,9 trđ; năm 2017: 47.032,4 trđ; năm 2018: 35.998 trđ; năm 2019: 21.339 trđ; năm 2020: 103.546,7 trđ; năm 2021: 67.327,1 trđ. Việc phân bổ kinh phí còn chậm, chưa thực hiện theo đúng khoản 2 Điều 50 của Luật NSNN năm 2015 (giao sau 31/12), cụ thể: năm 2016: 54.000 trđ; năm 2017: 54.000 trđ; năm 2018: 60.000 trđ; năm 2019: 67.000 trđ; năm 2020: 78.500 trđ; năm 2021: 42.000 trđ.

1.3. Về thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

- Số lượng dự án được cấp vốn đầu tư, thực hiện giai đoạn 2016 - 2021, Bộ VHTTDL thực hiện chưa đạt theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, *(Chi tiết tại Phụ lục số 01- B)*.

- Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành chậm so với quy định, cụ thể:

Từ năm 2016 - 2021, tổng số công trình dự án chưa quyết toán là 09 dự án với tổng giá trị khối lượng hoàn thành là 566.207 trđ. Việc các chủ đầu tư chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và Vụ KHTC chậm thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Điều 21 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

1.4. Về thực hiện kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Trong quá trình tổ chức thực hiện công tác thu, chi tài chính hàng năm, Bộ VHTTDL đã có công văn yêu cầu các đơn vị rà soát dự toán và báo cáo nhu cầu điều chỉnh tăng/giảm dự toán. Tuy nhiên việc điều chỉnh dự toán chưa kịp thời theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật NSNN 2015, dẫn đến tình trạng phải huỷ dự toán, từ năm 2016 đến năm 2021, tổng số kinh phí phải hủy là 835.615,49 trđ, cụ thể: năm 2016: 22.265,68 trđ; năm 2017: 37.685,11 trđ; năm 2018: 92.255,91 trđ; năm 2019: 76.189,13 trđ; năm 2020: 283.646,24 trđ; năm 2021: 323.573,42 trđ. Nguyên nhân: do ảnh hưởng, tác động của đại dịch Covid trong các năm 2020, 2021; do việc hoãn tổ chức SEA Games 31 tại Việt Nam từ 2021 sang 2022. *(Chi tiết tại Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03).*

1.5. Việc thực hiện kiểm tra công tác kế toán và xét duyệt quyết toán

Hàng năm, Vụ KHTC thực hiện kiểm tra công tác kế toán và duyệt quyết toán đối với các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Theo quy định tại Điều 44, Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN năm 2015, và Điều 6, Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, nhưng trong 6 năm (2016-2021), Vụ KHTC thực hiện 434 đợt kiểm tra (năm 2016 kiểm tra 65/88 đơn vị, trong đó 39 đơn vị xét duyệt quyết toán, 26 đơn vị đối chiếu số liệu; năm 2017: kiểm tra 76/88 đơn vị; năm 2018 kiểm tra 74/88 đơn vị; năm 2019: kiểm tra 74/88 đơn vị, trong đó 62 đơn vị xét duyệt quyết toán, 12 đơn vị đối chiếu số liệu; năm 2020: kiểm tra 73/88 đơn vị, trong đó 53 đơn vị xét duyệt quyết toán, 20 đơn vị đối chiếu số liệu và năm 2021: kiểm tra 74/88 đơn vị) và chưa xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2017 đối với Văn phòng. Như vậy, Bộ VHTTDL chưa tập trung trong công tác xét duyệt quyết toán, vẫn còn để hình thức đối chiếu số liệu với nhiều đơn vị, không trực tiếp xét duyệt, kiểm tra sẽ không đảm bảo yêu cầu trong việc kiểm tra các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị hay đối chiếu với Kho bạc Nhà nước tại nơi giao dịch

2. Kết quả kiểm tra tại một số đơn vị thuộc Bộ VHTTDL

Giai đoạn 2016 - 2021, có 47 lượt đơn vị (năm 2016: có 11 đơn vị; năm 2017: có 16 đơn vị; năm 2018: có 08 đơn vị; năm 2019: có 10 đơn vị; năm 2020: có 01 đơn vị; năm 2021: có 01 đơn vị) được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính. Thanh tra Chính phủ không thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đối với các năm đã được Kiểm toán, Thanh tra Bộ Tài chính và Thanh tra Bộ VHTTDL thực hiện *(chi tiết tại Phụ lục số 11).*

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

2.1. Việc chấp hành văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài chính

- Việc xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: Một số đơn vị ban hành quy chế căn cứ vào văn bản hết hiệu lực, chưa sửa đổi, bổ sung kịp thời, không phù hợp với quy định tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động.

- Về chấp hành Luật kế toán:

+ Thuyết minh báo cáo quyết toán hàng năm, không đầy đủ các chỉ tiêu theo Mẫu số B03/BCQT - Thuyết minh báo cáo quyết toán, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

+ Không hoàn trả, thu hồi, điều chỉnh sổ kế toán kịp thời những khoản cắt giảm, quyết toán cuối năm (năm 2019, 2021); mở sổ chi tiết chưa đầy đủ để theo dõi từng nội dung phát sinh; chứng từ kế toán chưa tập hợp theo nội dung chi. Cuối năm việc đối chiếu công nợ, phải thu phải trả, tạm ứng chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ, dẫn đến việc đôn đốc các khoản phải thu, phải trả chưa kịp thời, có những khoản phải thu từ những năm trước 2016, tồn tại đến nay vẫn chưa được xử lý, không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 14, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 và Điều 5, Điều 6 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Công khai tài chính chưa đầy đủ về mua sắm, sửa chữa lớn tài sản là không thực hiện đúng theo khoản 2.2, Mục 2, Phần I của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005. về Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ.

+ Không thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 2 của Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan đơn vị có sử dụng kinh phí NSNN, kèm theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính.

(*Chi tiết vi phạm của các đơn vị tại Phụ lục số 08)*

2.2. Về chấp hành dự toán được giao và thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thu, chi của đơn vị.

2.2.1. Lập dự toán

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

- Xây dựng dự toán không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 37 của Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002, và Điều 42 của Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội.

- Văn phòng Bộ VHTTDL giao dự toán nhưng không thuộc lĩnh vực chi của Văn phòng, dẫn đến phải điều chỉnh giảm nhiều lần trong năm 2016, là không thực hiện đúng Điều 50 Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; không lập dự toán điều chỉnh bổ sung khi có thay đổi dự toán (dự toán tăng giảm), chi tiết từng nội dung chi, giải thích, thuyết minh số liệu dự toán không đầy đủ theo Thông tư số 102/2015/TT-BTC ngày 30/6/2015 của Bộ Tài chính, hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm; Điều 42, Điều 43 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

- Các Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia (HLTTQG) lập dự toán chi chưa sát, không sử dụng hết nguồn kinh phí được cấp theo dự toán, phải trả lại ngân sách nhà nước các khoản tiền ăn, tiền công của chuyên gia và của các đội tuyển khi tập huấn tại nước ngoài, nhưng đơn vị không điều chỉnh kịp thời là không thực hiện đúng Điều 53, Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/ 2015.

(Chi tiết vi phạm của các đơn vị tại Phụ lục số 08)

2.2.2. Về hoạt động thu

Nguồn thu của các đơn vị chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp và các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp và dịch vụ, đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị. Tuy nhiên vẫn còn có một số tồn tại, vi phạm, cụ thể:

- Chưa trình Bộ VHTTDL ban hành quy định, hướng dẫn xây dựng kế hoạch tài trợ, đặt hàng, đấu thầu, trợ giá sử dụng NSNN và các nguồn khác đối với hoạt động điện ảnh; chưa thực hiện giám sát đối với các đơn vị sản xuất phim, chưa tiến hành đối chiếu và xác định được doanh thu, lợi nhuận của các đơn vị sản xuất phim thu được khi thực hiện phát hành, phổ biến đối với những phim nhà nước đặt hàng; chưa ban hành quy chế, quy định về quản lý tiền tài trợ; chưa công khai, chưa tổng hợp báo cáo nội dung chi với nhà tài trợ, là không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 5409/QĐ-BVHTTDL ngày 29/12/2017 và Quyết định số 1642/QĐ-BVHTTDL ngày 07/5/2018 về sửa đổi bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điện ảnh của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.

- Ban hành và thực hiện một số khoản thu có tính chất phí, lệ phí ngoài quy định không có trong Danh mục phí và lệ phí được ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015; chưa ban hành văn bản quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng nguồn thu dịch vụ từ các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, sau đại học, hệ VLVH, cho thuê nhà ăn, phòng học, ki ốt và dịch vụ cho thuê bãi trông giữ xe, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị *(chi tiết tại Phụ lục số 08)*.

- Thu lệ phí tuyển sinh đối với các hệ VLVH, thạc sỹ vượt định mức vi phạm quy định tại Điều 3 Thông tư Liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/3/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển. Thu tiền ôn thi đầu vào của các lớp cao học và không nộp thuế TNDN (2%) đối với khoản thu này là không đúng với quy định tại Điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Các khoản thu (lệ phí tuyển sinh, thi lại, học lại, học bổ sung kiến thức, ôn thi và thi cao học, thi tiếng Anh..) không có trong Danh mục phí và lệ phí được ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015; các khoản thu như: kinh phí đào tạo và tiền vệ sinh không có trong quy định; một số phiếu thu từ hoạt động cho thuê dịch vụ nhưng không có hợp đồng cho thuê là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

(Chi tiết vi phạm của các đơn vị tại Phụ lục số 08)

2.2.3. Về hoạt động chi

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

- Hạch toán kế toán chưa đúng quy định, (*chi tiết tại Phụ lục số 05*), cụ thể:

+ Không thực hiện trích số thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính; Trích lập quỹ học bổng không đúng quy định của Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp không đúng với điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

+ Sử dụng quỹ phúc lợi để nộp NSNN theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và khoản 2

Điều 24 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; Công khai tài chính chưa đầy đủ về thanh quyết toán, điều chỉnh dự toán năm là không thực hiện đúng theo khoản 2.2 Mục 2 Phần I của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 về Hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Điều 3 Chương II của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

+ Chi tạm ứng và cho vay đối với một số cá nhân là viên chức, người lao động và nhà thầu thời gian kéo dài (từ trước năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2021), một số người đã nghỉ chế độ hưu trí hoặc luân chuyển công tác đến đơn vị khác nhưng đến thời điểm thanh tra chưa thực hiện thanh toán tạm ứng là không thực hiện đúng theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư 39/2016/TT-BTC ngày 1/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện một số khoản chi chưa đúng quy định (*chi tiết tại Phụ lục số 05-a*), cụ thể:

+ Sử dụng tiền từ quỹ tiền lương, kinh phí NSNN để chi trả tiền lương, tiền công cho hợp đồng lao động là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Thanh toán cho hợp đồng lao động không xác định thời hạn khi chưa là viên chức; hợp đồng xác định thời hạn 03 năm là không đúng với khoản 1, khoản 2 Điều 25 Luật Viên chức năm 2010.

+ Sử dụng từ kinh phí nhiệm vụ thường xuyên NSNN được Bộ VHTTDL giao hàng năm để chi trả chi phí (tiền điện) của hoạt động kinh doanh cho thuê quầy dịch vụ là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước 2015; Chi hỗ trợ cước điện thoại di động không đúng với điểm h, điểm k, khoản 2 Điều 2 và khoản 3 Điều 6 Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Chi dạy vượt giờ trên 200 giờ hành chính/năm là không đúng với quy định Bộ Luật lao động và khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT- BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

+ Chi thu nhập tăng thêm không đúng quy định tại tiết b điểm 3.2 phần VIII, Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/08/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Chi tiền họp cho cán bộ trong danh sách trả lương của đơn vị sự nghiệp là không đúng với điểm a khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính.

+ Chi tiền thu nhập tăng thêm hàng tháng cho cán bộ khối hành chính với mức hệ số 25% từ quỹ bổ sung thu nhập là không đúng với điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Thực hiện chi trả hỗ trợ từ 10% - 30% tổng mức lương cơ bản và hệ số chức vụ đối với viên chức thuộc các phòng chuyên môn, không trực tiếp giảng dạy, chưa đúng theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Chi tiền phụ cấp chức vụ đối với một số trường hợp đã hết thời gian theo quyết định bổ nhiệm, là thực hiện không đúng với điểm c khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ.

(*Chi tiết vi phạm của các đơn vị tại Phụ lục số 08)*

3. Tại Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Qua kiểm tra, xác minh một số đơn vị còn tồn tại, vi phạm sau:

- Ban QL Khu các làng dân tộc, thanh toán hỗ trợ cho đồng bào mời hoạt động hàng ngày trong 06 năm là 9.215,648 trđ. Việc hỗ trợ sinh hoạt cho đồng bào căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 102/QĐ-KCLDT ngày 16/6/2016

và Quyết định số 295/QĐ-KCLDT ngày 15/12/2017. Theo đơn vị báo cáo, việc hỗ trợ tiền sinh hoạt cho đồng bào theo thực tế, trong khả năng cân đối nguồn kinh phí của đơn vị (*do biến đổi về nhân sự liên tục nên trong thời gian ngắn không xác minh được tính chính xác khoản chi trên).*

- Văn phòng thuộc Ban QLLVH, thanh toán phần nghệ thuật cho các hạng mục không có trong thể loại và quy mô tác phẩm chức danh được quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; thanh toán phần âm thanh, ánh sáng thiếu bản maket chi tiết chương trình nghệ thuật (năm 2019, 2020, 2021) là không đúng với Khoản 1, Điều 10 và điểm a, b, c, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.

(*Chi tiết vi phạm của đơn vị tại Phụ lục số 05-a)*

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Để tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, Thanh tra Chính phủ không thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đối với các năm đã được Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính và Thanh tra Bộ VHTTDL thực hiện. *(Chi tiết tại Phụ lục số 12).*

1. Tại Bộ VHTTDL

1.1. Công tác xây dựng, ban hành các văn bản

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Việc ban hành một số văn bản còn chậm, cụ thể:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Bộ trưởng có trách nhiệm ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị thuộc Bộ. Tuy nhiên, đến ngày 28/01/2022, Bộ VHTTDL mới có Quyết định số 221/QĐ-BVHTTDL về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL (đợt 1); Quyết định số 325/QĐ-BVHTTDL ngày 21/02/2022 (đợt 2); Quyết định số 361/QĐ-BVHTTDL ngày 23/02/2022 ban hành bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho Văn phòng Bộ.

Như vậy, so với qui định, Bộ VHTTDL ban hành văn bản chậm gần 03 năm kể từ khi Nghị định số 04/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, Bộ VHTTDL phải ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2019 Bộ mới ban hành Quyết định số 4946/QĐ-BVHTTDL ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ VHTTDL; Quyết định số 3300/QĐ-BVHTTDL ngày 16/12/2021 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ VHTTDL; Quyết định số 1169/QĐ-BVHTTDL ngày 20/5/2022 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo thuộc Bộ VHTTDL.

Như vậy, so với quy định, Bộ VHTTDL ban hành văn bản chậm gần 02 năm kể từ khi Nghị định số 152/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Theo quy định tại Điều 44 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Bộ

VHTTDL phải ban hành văn bản Quy định về tài sản có giá trị lớn tại các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê. Tuy nhiên, đến ngày 21/9/2021 Bộ VHTTDL mới ban hành Quyết định số 2483/QĐ-BVHTTDL.

Như vậy, so với quy định, Bộ VHTTDL ban hành văn bản chậm hơn 03 năm kể từ khi Nghị định số 151/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Chưa ban hành danh mục, thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ VHTTDL; chưa có văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện trích khấu hao, tính hao mòn đối với tài sản cố định vô hình, là không thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

1.2. Việc xây dựng phương án sắp xếp, xử lý tài sản

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Việc thực hiện rà soát, sắp xếp lại các cơ sở nhà đất Khối Hành chính sự nghiệp (HCSN): Đến thời điểm 31/12/2021, có 110/147 cơ sở nhà đất đã thực hiện rà soát, sắp xếp, kê khai lại nhà đất, trong đó có 71 cơ sở đã được Bộ Tài chính phê duyệt, 39 cơ sở đã lập phương án nhưng chưa được Bộ Tài chính phê duyệt. Năm 2022, có 12 cơ sở nhà đất đã thực hiện rà soát, sắp xếp, kê khai, lập phương án sắp xếp lại. Đến thời điểm thanh tra, còn 25 cơ sở nhà đất tại các địa phương đã kê khai, rà soát nhưng chưa có phương án sắp xếp, xử lý theo quy định.

Như vậy, đến thời điểm thanh tra Bộ VHTTDL vẫn chưa hoàn thành Kế hoạch sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Việc thực hiện rà soát ô tô theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP: Bộ VHTTDL đã ban hành văn bản về việc rà soát, sắp xếp tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và báo cáo Bộ Tài chính, năm 2022, đã xây dựng phương án sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác chung của Bộ. Đến ngày 31/12/2021, Bộ có 275 xe ô tô, trong đó có 08 xe phục vụ chức danh, 141 xe chuyên dùng, 126 xe phục vụ công tác chung[1], dôi dư 36 xe ô tô.

Như vậy, Bộ VHTTDL đã giao xe ô tô phục vụ công tác chung cho một số đơn vị quản lý, sử dụng vượt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Thông tư 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019, Điều 9 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

1.3. Việc xây dựng Đề án quản lý, sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Trong giai đoạn 2016 - 2021, Bộ VHTTDL có 55 đơn vị trực thuộc sử dụng tài sản công vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết nhưng không có Đề án được Bộ VHTTDL phê duyệt, (*Chi tiết các đơn vị tại Phụ lục số 10 B).*

Đến tháng 10/2021 có 10 đơn vị được phê duyệt. Tổng số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị từ 2016 - 2021 là: 971.721 trđ, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính số tiền: 200.459 trđ. Số tiền thu được từ năm 2018 - 2021 (giai đoạn phải lập Đề án được duyệt) là: 469.854 trđ, đã trừ các khoản nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đã được tính vào phương án tự chủ tài chính của đơn vị.

Bộ VHTTDL đã có nhiều văn bản đôn đốc nhắc nhở, nhưng các đơn vị vẫn sử

---

[1] Tổng số 126 xe phục vụ chung (bao gồm 06 xe đã có Quyết định thanh lý nhưng chưa thanh lý được); 141 xe chuyên dùng (bao gồm 10 xe đã có Quyết định thanh lý nhưng chưa thanh lý được); 08 xe chức danh (bao gồm 01 xe đã có Quyết định thanh lý nhưng chưa thanh lý được).

dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa có Đề án được duyệt, là chưa thực hiện theo đúng quy định tại Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Sau khi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được ban hành, các đơn vị sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết lập Đề án đề nghị Bộ VHTTDL phê duyệt nhiều lần nhưng chưa được phê duyệt. Tính đến thời điểm thanh tra, Bộ VHTTDL mới phê duyệt Đề án cho 12 đơn vị trực thuộc Bộ[2].

Như vậy, Bộ VHTTDL phê duyệt Đề án chậm, là không thực hiện đúng quy định tại Điều 44 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Việc thực hiện chế độ báo cáo và công khai tài sản; công tác kiểm tra, giám sát đối với việc quản lý sử dụng tài sản

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Bộ VHTTDL đã ban hành và thực hiện việc kê khai và công khai tài sản. Tuy nhiên việc thực hiện công khai chưa đầy đủ, còn thiếu một số nội dung như: tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản...

Như vậy, Bộ VHTTDL chưa thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Điều 121, Điều 122, Điều 123 - Mục 2,3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Bộ VHTTDL thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với việc quản lý sử dụng tài sản công của các đơn vị thuộc Bộ thông qua các hình thức: tổ chức các đoàn kiểm tra về việc thực hiện quản lý sử dụng tài chính, tài sản công; phối hợp các đoàn liên ngành kiểm tra việc sử dụng tài sản công.

Công tác kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công đối với các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL chưa được thực hiện thường xuyên. Từ năm 2016 đến năm 2019, Bộ VHTTDL không thực hiện cuộc thanh tra về nội dung quản lý, sử dụng tài sản công, là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

2. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

2.1. Việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và thực hiện báo cáo, kê khai, công khai, lập hồ sơ theo dõi, quản lý tài sản

- Năm 2016, 2017, một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ việc báo cáo, kê khai tài sản công, thực hiện chưa đầy đủ các hình thức công khai tài sản công theo quy định.

- Giai đoạn 2018-2021, một số đơn vị không ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; chưa thực hiện đầy đủ các hình thức công khai tài sản công

---

[2] Tháng 10/2021 Bộ phê duyệt Đề án sử dụng tài sản cho thuê vào mục đích liên doanh, liên kết cho 10 đơn vị: Trung tâm Chiếu phim quốc gia; Liên đoàn Xiếc VN; Bảo tàng Hồ Chí Minh; ĐH Mỹ thuật TP HCM; Trường ĐH Văn hóa TP HCM; Trường ĐH Văn hóa Hà Nội; Trường ĐH TDTT Bắc Ninh; Trường ĐH TDTT TP HCM; Khu Liên hợp thể thao quốc gia, Thư viện QGVN. Theo BC của Bộ (23/4/2026) đã phê duyệt hết 55 đơn vị trên.Tháng 2, 3 năm 2023, Bộ VHTTDL đã phê duyệt Đề án cho 02 đơn vị: Trường cán bộ quản lý VHTTDL; Trường CĐ VHNT Tây Bắc.

theo quy định tại Điều 121, 122, 123 - Mục 2 và chưa thực hiện đầy đủ báo cáo, báo cáo kê khai tài sản công theo các quy định tại Mục 3 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

- Chậm ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (chậm 01- 03 năm), không đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 7; Nội dung Quy chế chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 7; mẫu báo cáo kê khai chưa đúng Điều 9, 10; công khai chưa đầy đủ theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017; điểm c khoản 3 Điều 121; điểm c khoản 2 Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

- Không thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Nghị định 151/2017/NĐ-CP; Không mở sổ theo dõi tài sản, không lập thẻ tài sản cố định theo mẫu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Việc ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản cố định tài sản mua sắm mới, một số tài sản được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng chưa kịp thời, chưa chính xác, không đúng quy định tại Điều 8 Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 và Điều 7 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

- Không thực hiện theo dõi (giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất) đối với các cơ sở nhà đất, không đánh giá lại và ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất, là chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

- Ngoài ra một số đơn vị thực hiện chưa đúng, đầy đủ quy định tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018; Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014.

(Chi tiết tại Phụ lục số 09).

2.2. Việc kiểm kê, trích khấu hao, mua sắm và thanh lý tài sản

- Thực hiện kiểm kê tài sản, Ban kiểm kê không xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị của tài sản, không có báo cáo kết quả kiểm kê không đúng quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 40 của Luật Kế toán năm 2015; Biên bản kiểm kê tài sản cố định không theo mẫu số C53-HD của Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Không trích khấu hao đối với tài sản vào mục đích cho thuê và bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư 162/2014/TT-BTC, khoản 5 Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC; Tự xác định và tính hao mòn tài sản cố định, không được phê duyệt tỷ lệ hao mòn, thời gian sử dụng đối với TSCĐ vô hình, không đúng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 43 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và khoản 2, Điều 13, Thông tư số 45/2018/TT-BTC.

- Việc mua sắm từ nguồn chi thường xuyên

Thanh tra Chính phủ đã tiến hành kiểm tra hồ sơ một số gói thầu mua sắm tài sản bằng nguồn chi thường xuyên với giá trị kinh phí kiểm tra là: 26.087,83trđ, trong tổng số: 47.858,07 trđ kinh phí mua sắm trong năm được kiểm tra (*Chi tiết tại Phụ lục số 13).* Ngoài các gói thầu, kinh phí mua sắm tài sản công được kiểm tra *(cụ thể tại các Biên bản làm việc của Đoàn Thanh tra với các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL),* các gói thầu, kinh phí mua sắm khác Thanh tra Chính phủ không xem xét và không đánh giá trong kết quả thanh tra.

Trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn tồn tại, thiếu sót, vi phạm sau:

+ Không lập dự toán, kế hoạch mua sắm hàng năm từ nguồn kinh phí thường xuyên, mà thực hiện mua sắm theo nhu cầu phát sinh và đề xuất của các bộ phận, trình

tự, thủ tục mua sắm, nghiệm thu một số tài sản, thiết bị không đầy đủ theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. Đơn vị mua sắm máy chuyên dụng nhưng chưa có ý kiến của Bộ VHTTDL không đúng quy định tại khoản 3 Điều 9 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 (năm 2017, Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc mua máy tính xách tay chuyên dùng); mua máy tính số tiền vượt định mức không đúng quy định tại mục VII Phụ lục I Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (năm 2019, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam).

+ Lập dự toán dự án *"Điều tra, thăm dò khảo cổ và lập phương án khai quật tàu cổ tại vùng biển Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi"* việc "phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án trục vớt theo quy định pháp luật" theo nội dung tại Văn bản số 9349/VPCP-KGVX ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ chưa được thực hiện; phương án khai quật tàu cổ đắm không sát, thời gian thực hiện kéo dài, phải gia hạn nhiều lần, khối lượng thực hiện thấp đạt 32,35% so với kế hoạch (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia).

- Không thành lập Hội đồng xác định giá bán hoặc thuê đơn vị thẩm định giá khi tiến hành thanh lý tài sản theo hình thức phá dỡ, huỷ bỏ không đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Không xuất hóa đơn bán tài sản công theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Thanh lý tài sản không có biên bản họp Hội đồng thanh lý, tiêu hủy tài sản; biên bản bàn giao tài sản bán thanh lý; quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản; không có biên bản kiểm đếm tài sản cần thanh lý..., không đúng quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

- Một số đơn vị được giao số lượng xe ô tô vượt định mức tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính; Điều 9 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Điều 3 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính.

(*Chi tiết tại Phụ lục số 09).*

2.3. Việc xây dựng Đề án quản lý cơ sở nhà, đất và sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn tồn tại, thiếu sót, vi phạm sau:

- Sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp vào mục đích cho thuê khi chưa có Đề án kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được Bộ VHTTDL phê duyệt là không đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Không rà soát, lập phương án sắp xếp, xử lý đối với cơ sở nhà, đất trình Bộ VHTTDL để sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất của đơn vị thuộc phạm vi quản lý, là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 5, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Chưa hoàn thành thủ tục pháp lý đối với các cơ sở nhà, đất là không thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ- CP ngày 03/06/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Không thực hiện đấu giá khi cho thuê tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp là thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Không niêm yết giá cho thuê, giá cho thuê không được công khai khi cho thuê trực tiếp là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-

CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Không xác định tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đối với diện tích đất có tài sản gắn liền trên đất được sử dụng vào mục đích cho thuê kinh doanh là không thực hiện đúng theo các quy định tại Điều 42 Nghị định 151/2017/NĐ-CP; Chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

(Chi tiết vi phạm của các đơn vị tại Phụ lục số 09 & Phụ lục số 10A)

3. Tại Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Việc quản lý các cơ sở nhà, đất: chưa hoàn thành thủ tục pháp lý đối với các cơ sở nhà, đất; không thực hiện theo dõi, đánh giá và ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất; chưa rà soát, lập phương án sắp xếp, xử lý đối với nhà, đất để trình cơ quan có thẩm quyền sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất.

Việc cho thuê, kinh doanh: thực hiện cho thuê tài sản khi chưa có quyết định phê duyệt Đề án dùng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản theo hình thức cho thuê trực tiếp đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp mà không thực hiện đấu giá tài sản; phê duyệt chủ trương thuê trụ sở làm việc sai về thẩm quyền.

Việc thanh lý tài sản: Quyết định thanh lý tài sản sai thẩm quyền; không thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị thanh lý theo quy định; thanh lý tài sản không thực hiện đăng tải trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; không lập, phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến thanh lý tài sản.

Việc quản lý tài sản: không thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công; công khai tài sản công không đầy đủ theo quy định; không ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công; trình tự, thủ tục mua sắm tài sản chưa đúng quy định.

(Chi tiết vi phạm của đơn vị tại Phụ lục số 09)

III. VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN

1. Việc thực hiện Chương trình

1.1. Tại Bộ VHTTDL

Thanh tra Chính phủ không kiểm tra trình tự, thủ tục, nội dung thực hiện của các chủ nhiệm đề tài tại các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL; chỉ kiểm tra việc thực hiện quản lý của Vụ KHCN&MT, việc phê duyệt của Bộ đối với 02 chương trình (được phân thành 13 đề tài) cấp Bộ là: "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trước tác động của phương tiện truyền thông mới" (Viết tắt: Chương trình 1) với 08 đề tài, tổng kinh phí: 3.980,0 trđ và "Mô hình vận động viên cấp cao một số môn thể thao trọng điểm hướng đến ASIAD và Olympic" (Viết tắt: Chương trình 2) với 05 đề tài, tổng kinh phí: 3.200,0 trđ. Tại thời điểm thanh tra (tháng 4/2023), 02 chương trình đã được nghiệm thu, thanh toán với giá trị: 7.180 trđ, bằng với giá trị dự toán được phê duyệt.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Bộ VHTTDL phê duyệt nội dung và kinh phí các đề tài nhánh thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ, trong đó, đề tài tổng hợp chương trình, nằm ngoài Quyết định số 2129/QĐ-BVHTTDL ngày 22/6/2015; dự toán kinh phí của 04 đề tài còn lại không đúng với dự toán được phê duyệt tại Quyết định số 2129/QĐ-BVHTTDL (Chương trình 2); ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn không có chức danh Phó Chủ tịch hội đồng, vi phạm Điều 7 Thông tư 16/2015/TT-BVHTTDL ngày 25/12/2015 của Bộ VHTTDL (Chương trình 1) và Điều 8 Thông tư 03/2012/TT-BVHTTDL ngày 30/3/2012 của Bộ VHTTDL (Chương trình 2); ban hành thành lập

Hội đồng tuyển chọn không có chức danh Phó Chủ tịch hội đồng, không có "Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng" vi phạm: Điều 13 Thông tư 16/2015/TT-BVHTTDL ngày 25/12/2015 của Bộ VHTTDL (Chương trình 1); Điều 14 Thông tư 03/2012/TT-BVHTTDL ngày 30/3/2012 của Bộ VHTTDL (Chương trình 2).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo định kỳ không đủ số lần so với quy định (Chương trình 2); hợp đồng thực hiện đề tài (Chương trình 1) giữa Vụ KHCN và các đơn vị chủ trì không kiểm tra định kỳ, đột xuất, vi phạm Điều 4 Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ; các đơn vị chủ trì hoàn thành chậm tiến độ so với hợp đồng nhưng khi nghiệm thu vẫn đánh giá xếp loại đề tài "Xuất sắc" là vi phạm Điều 22 Thông tư 16/2015/TT-BVHTTDL ngày 25/12/2015 của Bộ VHTTDL.

(Chi tiết tại Phụ lục số 17, 17A, 17B)

1.2. Chương trình Seagames 31

Ngày 13/7/2020, Bộ VHTTDL phê duyệt Đề án tổng thể chuẩn bị và tổ chức SG 31 và ASEAN Para Games 11 và phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 34/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của SG 31. Thanh tra Chính phủ đã tiến hành kiểm tra một số nội dung gói thầu. Ngoài các nội dung, gói thầu được kiểm tra, các nội dung, gói thầu khác Thanh tra Chính phủ không xem xét và không đánh giá trong kết quả thanh tra.

(Chi tiết kiểm tra tại Phụ lục số 15)

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

- Việc thực hiện nội dung chi của Tiểu ban giao thông

Tiểu ban giao thông là đơn vị giúp việc cho BTC SG31 trong việc thực hiện toàn bộ gói thầu thuê xe ô tô trong thời gian diễn ra Đại hội. Cụ thể: Ngày 13/3/2022 Tổng cục TDTT ban hành Quyết định số 327/QĐ-TCTDTT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ thuê xe ô tô phục vụ công tác tổ chức thi đấu tại SEA Games 31 (dự toán: 15.834 trđ); Ngày 28/4/2022 BTC SEA Games 31 ban hành Quyết định số 1113/QĐ-BTC2021 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Trong quá trình thực hiện số km xe chạy nhiều hơn là 211.370 km. Việc xác định số km vượt, do số lượng xe nhiều và thời gian diễn ra sự kiện ngắn (12 ngày), Tiểu ban giao thông căn cứ theo nhật trình của xe, sử dụng phương pháp xác định điểm xuất phát và điểm kết thúc hành trình để làm căn cứ xác định số km vượt, mà không yêu cầu đơn vị cung cấp số km tại công tơ mét của xe ô tô, là chưa đảm bảo tính chính xác, khách quan trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Việc thực hiện nội dung chi hậu cần dịch vụ công cộng

Ngày 23/02/2022, Lãnh đạo Ban Tổ chức SEA Games 31 phê duyệt thành lập đoàn khảo sát khách sạn, địa điểm lưu trú tại các tỉnh, thành tổ chức các môn thi đấu trong chương trình SEA Games 31. Đoàn khảo sát đã tiến hành khảo sát, trao đổi với đại diện các khách sạn về các yêu cầu dịch vụ khách sạn, cơ sở lưu trú và khả năng cung ứng dịch vụ của khách sạn; thời gian, phương thức, nội dung cung cấp dịch vụ, đồng thời kiểm tra thực tế điều kiện phòng nghỉ, phòng ăn, phòng họp của các khách sạn để xem xét mức độ đáp ứng của khách sạn đối với các yêu cầu của Ban Tổ chức.

Ban Tổ chức đã lựa chọn, ký kết hợp đồng với 38 khách sạn với tổng số kinh phí thực hiện là 136.384 trđ được thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 về một số gói thầu mua sắm nhằm duy trì hoạt động

thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu. Việc lựa chọn khách sạn thông qua báo cáo kết quả của Đoàn khảo sát, trên cơ sở đó Ban tổ chức quyết định phương án bố trí các khách sạn, để phục vụ các đối tượng tham dự Đại hội. Tuy nhiên, báo cáo kết quả rà soát còn chưa đầy đủ thông tin để đánh giá việc lựa chọn khách sạn, không đưa ra tiêu chí hoặc tổ chức đấu thầu là không đảm bảo khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.

- Việc thực hiện tại Trung tâm DOPING và Y học thể thao

Kiểm tra Gói thầu "Mua máy đo tỷ trọng và các dụng cụ bảo quản, vận chuyển mẫu kiểm tra Doping"

Ngày 25/2/2022 Trung tâm Doping và Y học Thể thao (Trung tâm) đã có Tờ trình số 08/TTr-VADA về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua máy đo tỷ trọng và các dụng cụ bảo quản vận chuyển mẫu kiểm tra Doping phục vụ SEA Games 31 kèm theo chứng thư thẩm định giá. Ngày 03/3/2022, Tổng cục Thể dục Thể thao đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-TCTDTT phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Ngày 16/3/2022 Trung tâm và Công ty CP dịch vụ Khoa học và công nghệ Quốc tế (Công ty) tiến hành Thương thảo Hợp đồng về việc cung cấp mua máy đo tỷ trọng và các dụng cụ bảo quản vận chuyển mẫu kiểm tra Doping phục vụ SEA Games 31 và trị giá hợp đồng là 548 trđ. Ngày 21/3/2022, ký kết Hợp đồng, ngày 7/5/2022, ký Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa và Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Ngày 12/5/2022, thanh lý hợp đồng số 369/HĐKT/2021-DOPING giá trị thanh lý: 548 triệu đồng.

Trong quá trình lập hồ sơ mời thầu, nhà thầu có nêu thông số kỹ thuật theo yêu cầu của Tổ chức phòng chống DOPING thế giới vào danh mục gói thầu để làm căn cứ đánh giá về mặt kỹ thuật các hồ sơ dự thầu, là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 về quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Việc thực hiện dự án

Thanh tra Chính phủ thực hiện kiểm tra một số gói thầu của 04 dự án tại Ban quản lý dự án thuộc Bộ; một số gói thầu tại 05 đơn vị thuộc Bộ; một số gói thầu của 03 dự án tại Làng Văn hóa.

2.1. Tại Ban quản lý các dự án Đầu tư xây dựng thuộc Bộ VHTTDL

Ban Quản lý đầu tư xây dựng được thành lập trên cơ sở hợp nhất từ hai Ban QLDA: Ban QLDA miền Bắc, Ban QLDA miền Trung và Tây Nguyên, trước khi hợp nhất, hai Ban QLDA hoạt động độc lập, thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

- Việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án: lập, phê duyệt chủ trương đầu tư kéo dài, phải thực hiện điều chỉnh nhiều lần là vi phạm khoản 1[3] Điều 61 của Luật Xây dựng năm 2014;

---

[3] Khoản 1 Điều 61: *"1- Các trường hợp được điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước gồm: a) Do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, địch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác; b) Xuất hiện yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại; c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới dự án; d) Khi chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá xây dựng được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được duyệt."*

- *Việc ký kết, thực hiện hợp đồng, nghiệm thu, quyết toán:* chủ đầu tư ký phụ lục hợp đồng với nhà thầu xây lắp khối lượng phát sinh tăng chưa có đơn giá trong hợp đồng. Một số hạng mục hoàn thành chậm tiến độ so với hợp đồng; điều chỉnh đơn giá vật liệu cho nhà thầu làm tăng giá trị thanh toán; Thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài, chủ đầu tư chậm ký gia hạn, chưa phù hợp với khoản 2 Điều 67 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng không đúng quy định tại khoản 4 Điều 66 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.

Tại thời điểm thanh tra (4/2023), Vụ Kế hoạch - Tài chính chậm thẩm định, Bộ VHTTDL chậm phê duyệt quyết toán 02 dự án: Dự án Nâng cấp Khu liên hợp thể thao quốc gia; Dự án Đầu tư XD Trường ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng - Giai đoạn 2 là vi phạm Điều 21 Thông tư số 10/2020/TT-BTC.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 & Phụ lục số 14)

2.2. Một số đơn vị thuộc Bộ

Kiểm tra việc quản lý, thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng tại 05 đơn vị trực thuộc Bộ (Văn phòng; Bảo tàng HCM; Nhà hát CMN dân gian Việt Bắc; ĐH Mỹ thuật VN; Trường CĐ Du lịch Hà Nội).

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

- *Việc thẩm định và phê duyệt dự án:* Bộ VHTTDL phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư khi dự án chưa được ghi trong quy hoạch tổng thể KT-XH, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005; Cơ quan đại diện lập, Bộ VHTTDL phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư không tốt, dẫn đến sau thời gian thực hiện phải phê duyệt điều chỉnh lại, làm tăng giá trị dự toán; Bộ VHTTDL phê duyệt dự án khi chưa có kế hoạch bố trí vốn đầu tư theo quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định 12/2009/NĐ-CP, được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ; dự án dừng thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, quyết toán, thu hồi giá trị đối với khoản tạm ứng chi phí quản lý dự án, vi phạm khoản 1 Điều 35 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Dự án không đạt được mục tiêu đầu tư.

- *Việc lập, phê duyệt dự toán, ký kết, thực hiện hợp đồng:* một số hạng mục, thiết kế và lập dự toán không đúng thực tế cụ thể: thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công không đầy đủ về các thông số, dẫn đến việc lập dự toán không đúng giá trị; hạng mục cọc BTCT không tính đến yếu tố đường giao thông, không phù hợp với thực tế công trình, dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế.

- *Việc nghiệm thu, quyết toán công trình, dự án:* công tác quản lý dự án, giám sát thi công, việc ghi chép Nhật ký thi công không đầy đủ theo quy định; công trình không được Sở Xây dựng kiểm tra trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, không đúng quy định. Bộ VHTTDL chậm thẩm định và phê duyệt quyết toán đối với một số dự án so với quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 và Phụ lục số 14)

2.3. Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

- *Việc quản lý dự án, phê duyệt dự toán, ký kết, thực hiện hợp đồng:* Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án, trực tiếp quản lý dự án không đúng quy định; một số hạng mục khảo sát không đúng thực tế, dẫn đến khi thực hiện hạng mục tiếp theo phải điều chỉnh làm tăng giá trị dự toán; dự án thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch ban đầu do chậm bố trí vốn, dẫn đến phải điều chỉnh nhiều lần.

- *Việc nghiệm thu, quyết toán công trình, dự án:* ghi chép Nhật ký thi công không đầy đủ, không đúng theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 và Phụ lục số 14)

2.4. Việc thực hiện Dự án Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Dự án được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng mức đầu tư: 16.000 trđ, Dự án thực hiện cơ bản chấp hành các quy định pháp luật về quy hoạch, tuy nhiên quá trình thực hiện còn có hạn chế, vi phạm như sau:

Việc lập, phê duyệt dự toán, đấu thầu: chi phí cho người tham dự hội thảo như: chủ trì, thư ký, người tham luận, tham dự các buổi hội thảo lấy ý kiến cho nội dung quy hoạch lập trong dự toán, cũng như cơ cấu giá trúng thầu không đúng quy định.

Việc thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư không giám sát việc huy động và bố trí nhân sự tham gia thực hiện của nhà thầu; chưa thực hiện nghiệm thu, thanh toán khối lượng theo quy định của Hợp đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 và Phụ lục số 14)

3. Việc thực hiện Đề án

Đề án "Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 09/7/2016. Tổng kinh phí được cấp 111,6 tỷ đồng, số kinh phí đã sử dụng 49,68 tỷ đồng. Tổng số sinh viên đã tuyển: 494 sinh viên, hiện nay còn 253 sinh viên đang theo học, chưa có sinh viên tốt nghiệp ra trường. Vụ Đào tạo được giao nhiệm vụ chủ trì, thực hiện việc xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các cơ sở đào tạo thực hiện.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án chưa đạt, việc xây dựng nội dung, kế hoạch không sát dẫn đến một số nội dung, nhiệm vụ không thực hiện được theo kế hoạch, cụ thể: kế hoạch được Bộ VHTTDL phê duyệt thì nhiệm vụ xây dựng các tiêu chí tuyển chọn tài năng được thực hiện năm trong giai đoạn 2017-2018, tuy nhiên đến tháng 3/2020 mới phê duyệt được các tiêu chí; công tác tuyển chọn sinh viên tài năng không đạt theo chỉ tiêu, kế hoạch của Đề án; Bộ VHTTDL giao nhiệm vụ, cấp kinh phí cho các cơ sở đào tạo để thực hiện các nội dung của Đề án nhưng không thực hiện được hết số kinh phí được cấp. Bộ VHTTDL chưa xây dựng kế hoạch chi tiết để sử dụng các tài năng khi học xong Chương trình của Đề án; tỉ lệ sinh viên dừng học theo chương trình tài năng sau khi được tuyển chọn cao. Việc lập dự toán, thực hiện và thanh quyết toán chưa đảm bảo theo yêu cầu nhiệm vụ.

Việc xây dựng kế hoạch, nội dung thực hiện các nhiệm vụ tại một số cơ sở đào tạo chưa sát với thực tế, dẫn đến không thực hiện được hết các nhiệm vụ được giao; hiệu quả từ việc thực hiện Đề án chưa cao, cụ thể:

Trường ĐH Văn hóa Hà Nội (VHHN): sử dụng kinh phí thuộc Đề án chi trả cho giảng viên tham gia giảng dạy không đúng đối tượng; chi hỗ trợ giảng viên vượt định mức theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. Nhạc Viện TPHCM: việc triển khai thực hiện các nội dung theo Dự án đào tạo được duyệt còn chậm, hạn chế, có nội dung được duyệt nhưng không thực hiện; một số nội dung không thực hiện hết số kinh phí được cấp, tổng kinh phí được cấp là: 10.896 trđ, kinh phí đã sử dụng 1.278,7 trđ, hoàn trả ngân sách 9.617,3

trđ, chiếm 88,3% số kinh phí được cấp.

(Chi tiết tại Phụ lục số 19)

IV. VIỆC THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP

1. Việc chỉ đạo thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp giai đoạn 2007-2021

Thực hiện Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, trong giai đoạn 2007-2021, Bộ VHTTDL thực hiện cổ phần hoá 17/17 doanh nghiệp theo kế hoạch. Trong đó hình thức cổ phần: bán hết phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 02 công ty; vừa bán một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ: 02 công ty; bán một phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp 11 công ty và giữ nguyên vốn nhà nước và phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ 02 công ty. Đến thời điểm 30/4/2023, đã hoàn thành việc chuyển 07 công ty sang SCIC.

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

Bộ VHTTDL thành lập Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo Cổ phần hoá doanh nghiệp và Tổ giúp việc tại các doanh nghiệp để chỉ đạo thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp. Trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện cổ phần hoá còn có tồn tại, hạn chế, vi phạm sau:

- Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2013: Bộ VHTTDL chỉ đạo cổ phần hoá 03 doanh nghiệp và bán 01 doanh nghiệp, không đạt yêu cầu Kế hoạch mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt. Việc chỉ đạo thực hiện về xây dựng phương án sử dụng đất không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ và khoản 1 Điều 3 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ[4], cụ thể:

Kiểm tra phương án sử dụng đất của 04 doanh nghiệp theo Kế hoạch tiến hành thanh tra được duyệt, có 03 Công ty Bộ VHTTDL phê duyệt phương án sử dụng đất chưa có ý kiến thống nhất của UBND Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty TNHH MTV Phim Giải phóng, Công ty TNHH MTV Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam); Công ty TNHH MTV Phim Giải Phóng thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, sau đó hoàn thành phương án sử dụng đất (bổ sung) sau cổ phần hóa gửi đến UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chỉ đạo lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án chuyển đổi một số công ty không đạt theo mục tiêu của cổ phần hoá (thực hiện cổ phần hoá không thành công:

---

[4] - Khoản 1 Điều 31 Nghị định 59/2011/NĐ-CP: Đối với toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý, sử dụng làm mặt bằng xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch; xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối (kể cả đất đã được Nhà nước giao có thu hoặc không thu tiền sử dụng đất) thì doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp phải bảo đảm phù hợp với quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp được lựa chọn hình thức thuê đất hoặc giao đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 09/2007QĐ-TTg: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi chung là Bộ, ngành), Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, lập phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính sau khi có ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất).

Công ty cổ phần Phim Giải Phóng sau cổ phần hoá Nhà nước vẫn nắm giữ 99,7% vốn điều lệ, Công ty cổ phần Hãng phim Hoạt hình Việt Nam sau cổ phần hoá Nhà nước nắm giữ 87% vốn điều lệ);

- Ban chỉ đạo cổ phần hoá ghi biên bản họp nhưng không lập Báo cáo thẩm định theo quy định tại Quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần ban hành kèm theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ[5]; chỉ đạo thực hiện phê duyệt giá trị doanh nghiệp, xác định phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần chậm so với quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ.

- Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo Cổ phần hoá doanh nghiệp có nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy trình cổ phần hoá. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện để tồn tại một số khó khăn, vướng mắc nhưng chưa được hướng dẫn, tháo gỡ hoặc có giải pháp giải quyết kịp thời[6], cụ thể:

Việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu căn cứ vào yếu tố lịch sử bề dày truyền thống, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đặc thù trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; việc xác định giá trị của các tài sản đặc thù như công cụ, dụng cụ, súng đạn có giá trị lịch sử, truyền thống khi xác định giá trị doanh nghiệp; việc bàn giao các khoản công nợ phải thu phải trả, tài sản loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định cho Công ty Mua Bán Nợ nhưng Công ty Mua Bán nợ không nhận; thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả khi xác định giá trị doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp không nhận được 100% các hồ sơ đối chiếu công nợ; việc triển khai Phương án sản xuất kinh doanh của các công ty sau cổ phần hóa tại một số công ty chưa đạt được theo Phương án cổ phần hóa được duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 20)

2. Việc thực hiện cổ phần hoá đối với 04 doanh nghiệp

Kiểm tra đối với 04 doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Phim Giải phóng, Công ty TNHH MTV Hãng phim Hoạt hình Việt Nam, Công ty TNHH MTV Du lịch và Xúc tiến đầu tư (DLXTĐT), Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam. Trong đó công ty: Phim Giải phóng, Hãng phim Hoạt hình Việt Nam, Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Sách Việt Nam đã thực hiện xong các bước cổ phần hoá và chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Sau cổ phần hoá, Nhà nước nắm giữ: 10% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Sách Việt Nam, 10% vốn điều lệ Công ty DLXT, 99,7% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Phim Giải Phóng, 87% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Hãng phim Hoạt hình Việt Nam. Đến thời điểm kiểm tra (4/2023), có 03 công ty đã chuyển phần vốn nhà nước sang SCIC (Công ty Cổ phần Phim Giải Phóng, Công ty Cổ phần Sách Việt Nam, Công ty DLXTĐT).

**** Qua thanh tra một số nội dung cho thấy:***

2.1. Việc lập, phê duyệt phương án sử dụng đất:

Bộ VHTTDL phê duyệt phương án sử dụng đất khi ý kiến giữa UBND TP Hà Nội và Bộ Tài chính không thống nhất; cơ sở nhà, đất (bổ sung) chưa được kê khai trong phương án sử dụng đất sau cổ phần hoá, chưa có ý kiến thống nhất của UBND

---

[5] Điểm c Khoản 5 Bước 1 Quy trình Quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần: (c) Ban Chỉ đạo thẩm định phương án cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa phê duyệt.

6 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban đổi mới doanh nghiệp Bộ VHTTDL ban hành theo Quyết định số 1822/QĐ-BVHTTDL ngày 12/6/2014.

tỉnh, thành phố nơi có sơ sở nhà, đất, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 1, Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

Kết quả làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội: khi thực hiện cổ phần hoá Công ty thực hiện hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Tại thời điểm kiểm tra, Công ty DLXTĐT chưa được ký tiếp hợp đồng thuê nhà, đất.

- Bộ VHTTDL phê duyệt phương án sử dụng đất không có sự thống nhất của UBND tỉnh, thành phố; cơ sở nhà, đất chưa được kê khai khi xây dựng phương án sử dụng sau cổ phần hoá của Công ty Cổ phần Phim Giải Phóng và Công ty Cổ phần Sách Việt Nam. Các cơ sở nhà, đất của 04 doanh nghiệp trên được ký hợp đồng thuê với các cơ quan chức năng của nhà nước và theo hình thức trả tiền hàng năm. Đến thời điểm thanh tra, một số cơ sở nhà, đất vẫn chưa được ký tiếp hợp đồng thuê nhà, đất và các cơ quan chức năng vẫn đang quản lý *(kèm theo Phụ lục số 16)*.

2.2. Việc lựa chọn hình thức cổ phần hoá và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Công ty cổ phần Sách Việt Nam lựa chọn hình thức giữ nguyên phần vốn nhà nước, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; các công ty: Hãng phim Hoạt hình Việt Nam, Công ty CP DLXTĐT, Hãng phim Giải Phóng lựa chọn hình thức bán một phần vốn nhà nước, không phát hành thêm cổ phiếu.

Như vậy, Công ty Cổ phần DLXTĐT và Ban chỉ đạo cổ phần hoá lựa chọn hình thức bán một phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, không phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ là không huy động được nguồn vốn từ nhà đầu tư để thực hiện dự án theo phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá (Phương án SXKD sau cổ phần hoá có xây dựng phương án huy động vốn để thực hiện dự án *"Tổ hợp khách sạn, văn phòng, căn hộ cao cấp")*.

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược do các công ty xây dựng, Bộ VHTTDL phê duyệt là không đúng theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 6 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

(Chi tiết tại Phụ lục số 20A, 20B, 20C, 20D)

C. KẾT LUẬN

Căn cứ vào kết quả thanh tra nêu trên, Tổng Thanh tra Chính phủ kết luận như sau:

1. Tồn tại, hạn chế, vi phạm

1.1. Công tác quản lý, sử dụng tài chính (Phụ lục số 22)

Bộ VHTTDL duy trì mô hình tổ chức công tác tài chính, kế toán còn nhiều bất cập, không đảm bảo đầy đủ các yêu cầu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong việc quản lý tài chính của Bộ; tham mưu ban hành các Thông tư về phí, lệ phí trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch chưa kịp thời; chưa kiểm tra, rà soát thường xuyên việc xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Trong công tác lập, phân bổ giao dự toán chưa kịp thời, chưa sát phải điều chỉnh nhiều lần, việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán hàng năm còn chậm làm ảnh hưởng tới nhiệm vụ chung của từng đơn vị. Công tác kiểm tra chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ dẫn đến tại các đơn vị trực thuộc có nhiều sai sót, vi phạm về quản lý, sử dụng tài chính. Một số đơn vị được kiểm tra, việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ không được sửa đổi, bổ sung kịp thời; ban hành, thực

hiện một số khoản thu, chi chưa đúng quy định, không đúng đối tượng; lập dự toán hàng năm chưa sát, chưa bao quát hết nhiệm vụ được giao; không thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán; trích lập các quỹ chưa đúng quy định.

1.2. Công tác quản lý, sử dụng tài sản (Phụ lục số 23)

Trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công Bộ VHTTDL ban hành một số văn bản còn chậm; thực hiện công khai chưa đầy đủ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công chưa thường xuyên; quản lý, sử dụng tài sản chưa chặt chẽ, rà soát, sắp xếp lại các cơ sở nhà đất chưa kịp thời.Việc thẩm định, phê duyệt Đề án Quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết còn chậm; cho thuê, kinh doanh khi chưa có Đề án được phê duyệt.

Một số đơn vị, không thực hiện đầy đủ quy định về tỷ lệ trích khấu hao; không tính hao mòn TSCĐ vô hình; thanh lý tài sản, không thực hiện đầy đủ các quy định về: lưu trữ hồ sơ, trình tự, thủ tục, niêm yết thông báo công khai; xử lý số tiền thu được từ thanh lý tài sản không đúng quy định.Trong công tác quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất, các đơn vị không rà soát, lập phương án sắp xếp, xử lý đối với cơ sở nhà, đất để trình Bộ VHTTDL phê duyệt; chưa hoàn thành thủ tục pháp lý đối với các cơ sở nhà, đất; không thực hiện theo dõi, đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất.

1.3. Việc thực hiện Chương trình, Đề án, Dự án

1.3.1. Việc thực hiện Chương trình, đề án (Phụ lục số 24)

Trong việc thực hiện Chương trình KH-CN, Bộ VHTTDL phê duyệt một số quyết định chưa đúng, trong đó: Quyết định phê duyệt kinh phí đề tài; quyết định thành lập các hội đồng; thực hiện nhiệm vụ không đầy đủ trong việc ký kết hợp đồng, nghiệm thu, đánh giá đề tài; việc thực hiện Chương trình SG 31 vẫn còn hạn chế; việc thực hiện Đề án, Bộ VHTTDL xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nội dung của Đề án chưa sát dẫn đến kết quả thực hiện không đạt theo kế hoạch;

1.3.2. Việc thực hiện Dự án (Phụ lục số 25)

Trong công tác lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự toán còn có sai sót dẫn đến trong quá trình thực hiện dự án phải điều chỉnh tăng, giảm giá trị; khối lượng, đơn giá chưa đúng làm tăng giá dự toán; một số hạng mục, thiết kế và lập dự toán không sát thực tế. Chủ đầu tư ký phụ lục hợp đồng với nhà thầu xây lắp khối lượng phát sinh tăng chưa có đơn giá trong hợp đồng, một số nội dung chưa đúng làm tăng giá trị thanh toán; Dự án thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch ban đầu do chậm bố trí vốn, dẫn đến phải điều chỉnh nhiều lần. Nghiệm thu khối lượng không đúng với thực tế thi công; một số vật liệu đưa vào thi công thiếu chứng chỉ vật liệu; công trình đưa vào sử dụng chưa được Sở Xây dựng kiểm tra; Chậm thẩm định, phê duyệt quyết toán khi dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

1.4. Việc thực hiện cổ phần hoá (Phụ lục số 26)

Bộ VHTTDL chỉ đạo thực hiện về xây dựng phương án sử dụng đất chưa đúng theo quy định; phương án cổ phần hoá không đầy đủ báo cáo thẩm định theo quy định; chỉ đạo thực hiện phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần chậm so với quy định.Tại một số doanh nghiệp: phương án sử dụng đất sau cổ phần hoá chưa có ý kiên thống nhất và phù hợp với phương án sử dụng của

UBND tỉnh, thành phố; việc lựa chọn hình thức bán một phần vốn nhà nước chưa phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Bộ VHTTDL là cơ quan đa ngành, đa lĩnh vực, cần nhiều cơ chế quản lý đặc thù nhất là trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; các Chương trình, Đề án, Dự án theo từng lĩnh vực. Mặt khác, hệ thống Văn bản quy phạm pháp luật mang tính đặc thù trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch chưa được bổ sung, hoàn thiện, một số quy định chưa rõ ràng, cụ thể, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Công tác xã hội hóa, nhằm huy động các nguồn lực tài chính, đầu tư, tài trợ cho phát triển Văn hóa, Thể thao, Du lịch chưa được nhiều. Trong các năm 2019- 2022, do diễn biến tình hình dịch COVID-19 nên việc thực hiện các nhiệm vụ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Nguyên nhân chủ quan

Công tác ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định còn chậm, chưa đầy đủ. Chưa kịp thời kiểm tra, giám sát trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Việc tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; thực hiện một số chương trình, đề án, dự án; việc cổ phần hóa của một số đơn vị chưa được thực hiện đầy đủ, nhân lực còn hạn chế...

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các quy định còn nhiều vướng mắc. Do yếu tố lịch sử trước đây để lại, nên một số cơ sở nhà, đất thuộc Bộ còn để cho các cán bộ, nhân viên mượn làm chỗ ở, gây khó khăn cho công tác quản lý, sử dụng, thu hồi tài sản. Do tác động, ảnh hưởng của dịch COVID -19 trong các năm 2019 - 2022, nhiều đơn vị phải dừng toàn bộ hoạt động trong thời gian giãn cách xã hội. Nguồn thu của các đơn vị từ hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao, khai thác nguồn lực từ tài sản công bị sụt giảm.

(Chi tiết tại phụ lục số 21)

3. Trách nhiệm

Trách nhiệm đối với những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm và vi phạm được nêu tại Mục 1, Phần C của Kết luận thanh tra *(Chi tiết tại phụ lục số 07)*

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những nội dung kết luận nêu trên, Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị các biện pháp xử lý như sau:

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ:

1.1. Giao Thanh tra Chính phủ thanh tra làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đã có các hành vi vi phạm được nêu trong Kết luận thanh tra và các phụ lục kèm theo, để xử lý theo đúng quy định.

1.2. Về cơ chế chính sách:

- Giao Bộ VHTTDL xây dựng và trình cấp có thẩm quyền về:

(i) Quy định về định mức, chế độ dinh dưỡng phù hợp với đặc thù của từng môn

thể thao, với lứa tuổi và giai đoạn tập luyện, thi đấu; Hệ thống các giải thi đấu quốc gia; Quy định chế độ dinh dưỡng cho HLV, VĐV thể thao người khuyết tật.

(ii) Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật liên quan, làm cơ sở, căn cứ cho các đơn vị tính hao mòn tài sản cố định vô hình.

(iii) Quy định sửa đổi Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

(iv) Quy định về thống nhất mô hình tổ chức công tác tài chính, kế toán tại Bộ VHTTDL đối với đơn vị là dự toán cấp 1 cho phù hợp với luật định.

- Giao Bộ VHTTDL phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, nghiên cứu thực hiện tuyển sinh, đào tạo các môn văn hoá phù hợp với tính đặc thù trong đào tạo các ngành nghệ thuật và tài năng lĩnh vực nghệ thuật ở trình độ trung cấp.

- Giao Bộ VHTTDL phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, chế độ ưu đãi trong đào tạo và chính sách thu hút, sử dụng sau đào tạo đối với tài năng nghệ thuật và Quy định về cơ chế hỗ trợ cho đồng bào mời hoạt động hàng ngày tại Ban Quản lý Làng VHDL các DTVN.

- Giao Bộ Tài chính tham mưu, trình Chính phủ sửa đổi Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Quyết định số 39/2014/QĐ-TTg ngày 15/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó xác định thẩm quyền, trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đối với đơn vị đặc thù trực thuộc Bộ nhưng là đơn vị dự toán cấp I.

2. Đề nghị Bộ VHTTDL theo thẩm quyền được phân cấp, tổ chức kiểm tra, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các khuyết điểm, tồn tại, hạn chế, thiếu sót được nêu trong Kết luận thanh tra và các phụ lục kèm theo, để xử lý theo đúng quy định.

3. Đề nghị Bộ VHTTDL phối hợp với các cơ quan liên quan để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung kết luận thanh tra và các phụ lục kèm theo; chấn chỉnh, khắc phục, xử lý nghiêm các tồn tại, vi phạm, khuyết điểm theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Kết luận thanh tra, trường hợp phát hiện hành vi gây lãng phí, thất thoát tài sản nhà nước, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển cơ quan Công an xử lý theo quy định, trong đó tập trung tổ chức thực hiện:

3.1. Về chấn chỉnh công tác quản lý

3.1.1. Đối với Bộ VHTTDL

- Chấn chỉnh công tác lập, giao dự toán, nâng cao chất lượng công tác xét duyệt quyết toán hàng năm và quyết toán các dự án hoàn thành đúng thời gian quy định. Thực hiện báo cáo, kê khai, công khai tài sản công, việc thẩm định, phê duyệt các Đề án sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên danh, liên kết đúng quy định.

- Chấn chỉnh việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên danh, liên kết của các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các đơn vị đang sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên danh, liên kết nhưng chưa có Đề án được duyệt: yêu cầu các đơn vị tạm dừng thực hiện việc sử dụng tài sản vào mục đích

kinh doanh, cho thuê, liên danh, liên kết; thực hiện xây dựng Đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo Đề án được duyệt.

- Đối với việc thực hiện Đề án 1341, Bộ VHTTDL chỉ đạo:

Nghiên cứu, điều chỉnh kế hoạch và giao các nhiệm vụ đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường của từng cơ sở đào tạo, đảm bảo tính khả thi, sát thực tế, chất lượng trong đào tạo, phát triển tài năng có trọng tâm trọng điểm; xây dựng kế hoạch chi tiết, chú trọng việc sử dụng tài năng sau đào tạo; chấn chỉnh việc lập dự toán, thực hiện và thanh quyết toán; vụ Đào tạo và các cơ sở đào tạo nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá lại việc thực hiện các nội dung của Đề án, trọng tâm là chất lượng và hiệu quả, báo cáo Bộ để đề xuất với Chính phủ việc tạm dừng hoặc tiếp tục triển khai thực hiện Đề án.

- Đối với công tác cổ phần hóa: Bộ VHTTDL kiểm tra, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện công tác cổ phần hóa tại Bộ, chấn chỉnh, xử lý những vi phạm nếu có; chỉ đạo Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sử dụng đất phù hợp với quy hoạch và phương án sắp xếp, xử lý của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất đúng quy định.

Công ty Cổ phần Phim Giải Phóng: thực hiện kê khai đầy đủ các cơ sở nhà, đất; xây dựng phương án sử dụng nhà, đất sau cổ phần hoá; thực hiện xác định giá trị phần vốn Nhà nước, trong đó cần đối chiếu lại công nợ phải thu, phải trả, xác định các khoản vốn đầu tư và giá trị Quyền sử dụng đất tại cơ sở nhà, đất (phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương) tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc trong quản lý tài chính và tài sản công. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc theo dõi, hạch toán các khoản thu từ hoạt động dịch vụ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan: giải quyết dứt điểm các cơ sở nhà đất đang có tranh chấp, cho mượn, cho thuê sai quy định; lập Kế hoạch thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất theo Nghị định 167/NĐ-CP của Chính phủ; kiểm tra, rà soát các cơ sở nhà, đất không sử dụng và sử dụng không hiệu quả để trả lại nhà nước.

- Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân thực hiện việc thẩm tra, quyết toán các gói thầu, dự án có sai sót nêu trong phần Kết luận, thực hiện kiểm điểm nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Đối với các đơn vị trực thuộc

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, tài sản công: trích lập các quỹ theo đúng quy định; chấm dứt việc chi sai chế độ, chi không đúng đối tượng; thu hồi dứt điểm các khoản tạm ứng, công nợ; bổ sung, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với chính sách chế độ tài chính hiện hành.

- Phối hợp với Cục thuế địa phương, rà soát lại các tổ chức, cá nhân đang thuê tại các cơ sở nhà, đất mà đơn vị quản lý để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp, thực hiện đúng quy định trong việc kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật.

- Chấn chỉnh: việc ký hợp đồng không xác định thời hạn; việc phân công, bố trí giảng dạy cho giảng viên không hợp lý; việc trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ hợp

đồng và cán bộ hành chính không đúng quy định; nộp các khoản thu phí, lệ phí vào Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi theo quy định.

- Các đơn vị: hoàn thiện hồ sơ pháp lý của các cơ sở nhà, đất do đơn vị quản lý; kiểm tra, rà soát các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, cho thuê, cho mượn, sử dụng không hiệu quả, không đúng quy định, báo cáo Bộ VHTTDL; đề xuất phương án xử lý dứt điểm, sử dụng hiệu quả, tránh để lãng phí, thất thoát tài sản nhà nước.

- Các đơn vị đang sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết chưa có đề án được Bộ phê duyệt: khẩn trương xây dựng Đề án trình Bộ VHTTDL phê duyệt, những đơn vị chưa xây dựng Đề án tạm dừng việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Khắc phục các tồn tại, hạn chế đã nêu trong Mục 1, Phần C của Kết luận.

3.2. Về xử lý kinh tế

3.2.1. Thu hồi, nộp NSNN đối với các khoản thu, chi sai quy định

Đối với dự án do Ban QLDA ĐTXD thực hiện; dự án do các đơn vị thuộc Bộ thực hiện; Dự án Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao và công tác quản lý tài chính trực tiếp tại các đơn vị, xử lý theo Phụ lục 06.

3.2.2. Xử lý khác

- Yêu cầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ: kiểm tra, rà soát, đối chiếu với các vi phạm đã nêu tại Phần B của Kết luận và các Phụ lục số 04; 05; 05-a; 06; 07; 08; 09; 10A; 10B; 14; 17; 18; 19; 20A; 20B; 20C; 20D, để xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu Bộ VHTTDL: kiểm tra, rà soát, đối chiếu với các vi phạm đã nêu tại Phụ lục số 04 để hướng dẫn xử lý và bù trừ việc cấp ngân sách hàng năm của đơn vị, theo đúng qui định của pháp luật. Kiểm tra, rà soát, đối chiếu với các khoản chi trực tiếp cho con người tại Phụ lục số 5 và 5a, để xây dựng phương án thu hồi cho phù hợp.

- Bộ VHTTDL: giảm trừ giao dự toán của Trường ĐHTDTT Đà Nẵng (Phụ lục số 06); chỉ đạo Bảo tàng Lịch sử Quốc gia xử lý dứt điểm về khoản chi lương và tiền thuê đất (Phụ lục số 05); chỉ đạo Cục Điện ảnh đôn đốc xử lý dứt điểm các khoản tồn đọng theo kết luận của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

- Đối với số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết: Số tiền thu được từ năm 2016 - 2021 của 55 đơn vị trực thuộc là 971.721 trđ; Số tiền thu được của 19 đơn vị (được thanh tra) trong giai đoạn từ năm 2016-2021 là 291.520,71 trđ.

Yêu cầu Bộ VHTTDL: Đối chiếu, rà soát thu nộp lại số tiền nêu trên về NSNN sau khi đã trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ theo quy định. Tổ chức kiểm tra việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết toàn bộ 55 cơ sở nêu trên, nếu có vi phạm thì yêu cầu xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban QLLVH: Kiểm tra, xác minh, đối chiếu, tránh thất thoát khoản chi hỗ trợ cho đồng bào mời hoạt động hàng ngày với số tiền là: 9.215,648 trđ. Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh cho Thanh tra Chính phủ, Bộ VHTTDL và UBND Thành phố Hà Nội theo luật định.

4. Đề nghị đối với các bộ và UBND TP. Hà Nội

4.1. Đề nghị Bộ Tài chính: Hướng dẫn cụ thể đối với các nội dung trong thực hiện cổ phần hoá: Bàn giao các khoản công nợ phải thu, phải trả, tài sản loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp cho Công ty Mua bán nợ; xác định giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu của các doanh nghiệp đặc thù trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật và phương

pháp tính giá trị tiềm năng của doanh nghiệp; chế tài đối với việc nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng các cam kết.

4.2. Đề nghị Bộ Xây dựng: Chỉ đạo Cục Kinh tế xây dựng: kiểm điểm việc thẩm định dự toán có sai sót tại Văn bản số 312/KTXD ngày 10/9/2021 và Văn bản số 525/KTXD-VP ngày 31/10/2022 được nêu trong mục III, phần B của Kết luận theo đúng quy định của pháp luật.

4.3. Đề nghị UBND TP. Hà Nội

- Theo thẩm quyền được phân cấp, tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định dự toán có sai sót tại Văn bản số 10164/SXD-QLXD ngày 29/10/2020 được nêu tại mục III, phần B của Kết luận thanh tra theo đúng quy định của pháp luật. Kiểm tra, rà soát, hướng dẫn cho Công ty cổ phần Sách VN và Công ty CP DL&XTĐT sớm hoàn thiện thủ tục pháp lý của các cơ sở nhà, đất trên địa bàn TP Hà Nội.

Trên đây là Kết luận thanh tra Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, thực hiện một số chương trình, đề án, dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao (giai đoạn 2016 - 2021); việc cổ phần hóa các doanh nghiệp (giai đoạn 2007 - 2021) tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg CP Lê Tiến Châu (để b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Lê Sỹ Bảy;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: VHTTDL, Tài chính, Xây dựng;
- UBND TP Hà Nội;
- TTCP: Vụ KHTC, Cục: XI, XIII, XIV;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTT (NHN, 15b).

(Tài liệu được phép sao, chụp theo quy định)

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

THANH TRA CHÍNH PHỦ

Lê Sỹ Bảy